CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=QUẬN 1, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302991607
Date: 2026.11.27 16:16:29 +07'00'

DRAGON CAPITAL

*Số :2611/DCVFM.2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**
**ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
*Dear: Vietnam Exchange/Hanoi Stock Exchange/Hochiminh Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ/ Fund Management company:Công ty CP QLQ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam/DCVFM
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/VCB
- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã chứng khoán/Securities code: FUEVFVND
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, HCMC
- Điện thoại/ Tel: 84 28 3825 1488 Fax: 84 28 3825 1489

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **26/11/2026**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares

Danh mục và tỷ lệ CKCC hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

| STT<br>Order | Mã chứng khoán<br>Securities Symbol | Số lượng (CP) / Giá trị (VND)<br>Volume/ Amount | Tỷ lệ % trong danh mục<br>Weighting |
|---|---|---|---|
| **I.** | Chứng khoán/ Stock | 2,981,740,000 | 99.54% |
| 1 | ACB | 8,600 | 5.70% |
| 2 | BMP | 400 | 1.78% |
| 3 | CTD | 1,200 | 2.84% |
| 4 | CTG | 2,000 | 2.01% |
| 5 | FPT | 7,500 | 11.53% |
| 6 | GMD | 8,700 | 15.25% |
| 7 | HDB | 9,100 | 6.59% |
| 8 | MBB | 11,700 | 7.07% |
| 9 | MSB | 1,400 | 0.76% |
| 10 | MWG | 6,300 | 14.70% |
| 11 | NLG | 5,400 | 4.23% |
| 12 | OCB | 1,900 | 0.68% |
| 13 | PNJ | 7,700 | 3.29% |
| 14 | REE | 4,100 | 6.46% |
| 15 | TCB | 13,600 | 9.40% |
| 16 | TPB | 1,900 | 0.77% |
| 17 | VPB | 9,600 | 6.49% |
| | | | |
| **II.** | **Tiền/ Cash (VND)** | **13,648,270** | **0%** |
| **III.** | Tổng / Total (=I+II) | 2,995,388,270 | 100.00% |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between the value of basket and the value per lot of ETF:
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 2,981,740,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 2,995,388,270
+ Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 13,648,270

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu trong danh mục được thay thế bằng tiền (nếu có)
*In case, stock can be replaced by cash*

| Mã chứng khoán<br>Securities symbol | Tiền thay thế 1 chứng khoán cơ cấu đối với lệnh mua CCQ (VND)*<br>Cash amount for 1 share in a creation order (VND)* | Đối tượng áp dụng<br>Applied investors | Lý do<br>State the reason |
|---|---|---|---|

| | | | |
|---|---|---|---|
| MWG | 76,890 | AP/Nhà đầu tư nước ngoài<br>AP/Foreign Investor | Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| REE | 51,920 | AP/Nhà đầu tư nước ngoài<br>AP/Foreign Investor | Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

* Đối với lệnh hoán đổi bán (redemption) sẽ tuỳ thuộc vào giá CTQLQ bán ra thực tế trên thị trường
For redemption orders, the cash amount will depend on the market price at which FMC sells the securities on the exchange.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

*State if component securities shall have corporate action (if any):*

- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/The correction and cancellation of transaction errors (if any):
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other relevant information (if any):

| Chỉ tiêu/Criteria | Kỳ này/This period (*)<br>26/11/2026 | Kỳ trước/Last period (**)<br>25/11/2026 | Chênh lệch/<br>Changes |
|---|---|---|---|
| 1.Số lô đã phát hành thêm<br>Creation Units were issued | 133 | 1 | 132 |
| 2.Số lô đã mua lại<br>Creation Units were redeemed | 165 | 0 | 165 |
| 3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/<br>Issued Shares | 320,300,000 | 323,500,000 | -3,200,000 |
| 4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price | 28,850 | 30,140 | -1,290 |
| 5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: | | | |
| *của quỹ ETF/of the Fund* | 9,687,085,666,299 | 9,723,243,570,432 | -36,157,904,133 |
| *của một lô ETF/per Creation Unit* | 2,995,388,270 | 3,004,710,621 | -9,322,351 |
| *của một chứng chỉ quỹ/per Share* | 29,953.88 | 30,047.10 | -93.22 |
| 6.Chỉ số tham chiếu (VN Diamond)<br>Benchmark Index (VN Diamond) | 1,928.67 | 2,008.74 | -80.07 |

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 25/11/2026/(*)The criteria #5 is represented by NAV as at 25/11/2026

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 24/11/2026/(**)The criteria #5 is represented by NAV as at 24/11/2026

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate;we shall be legally responsible for any mispresentation.

**ĐẠI DIỆN CTCP QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**

*Representative of Dragon Capital VietFund Management JSC*

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

*Person authorized to disclose information*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

**Lê Hoàng Anh**

***Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư***

**Ngày ký/Date: 27/11/2026**